

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02.02.2018

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Yến Trinh**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Huỳnh Kim Sơn**

2. Ông **Trần Quốc Thịnh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Hương** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 500/2017/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Dương Thị B**, sinh năm: 1978

Địa chỉ: ấp Rạch Đào, xã L, huyện C, tỉnh Long An

- Bị đơn: Anh **Phùng Văn N**, sinh năm 1971

Địa chỉ: ấp Rạch Đào, xã L, huyện C, tỉnh Long An

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/10/2017 và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Thị B trình bày như sau: Chị và anh N cưới nhau năm 1995, do tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc nguyên nhân là do giữa vợ chồng bất đồng quan điểm, anh N tính tình khó khăn không cho chị đi ra giao thiệp với xã hội bên ngoài và kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay, trong thời gian ly thân cũng không thể giải quyết được mâu thuẫn để tiếp tục chung sống. Nay xét thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên Phùng Thị D, sinh ngày 02/8/1996, đã có gia đình riêng; Phùng Kim D, sinh ngày 26/11/1998, đã trưởng thành và Phùng Thị Tuyết M, sinh ngày 21/5/2006, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung chưa trưởng thành là Phùng Thị Tuyết M và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Bị đơn anh Phùng Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N vẫn không đến tham gia phiên hòa giải và cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Phùng Văn N nhưng anh N không đến tham dự phiên tòa mà không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phùng Văn N.

* Về nội dung:

[1] Chị Dương Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phùng Văn N là quan hệ pháp luật “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Chị B và anh N cưới nhau có đăng ký kết hôn ngày 29/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa chị B yêu cầu được ly hôn với anh N vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn, đoàn tụ hơn nữa vợ chồng ly thân đã lâu nên chị không còn tình cảm với anh N nữa. Xét thấy anh Phùng Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vẫn không đến tham gia phiên hòa giải cũng như phiên tòa từ đó cho thấy anh N cũng không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm với chị B để vợ chồng quay về tiếp tục chung sống nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị B được ly hôn với anh N.

[3] Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên Phùng Thị D, sinh ngày 02/8/1996; Phùng Kim D, sinh ngày 26/11/1998 và Phùng Thị Tuyết M, sinh ngày 21/5/2006. Chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung chưa trưởng thành là Phùng Thị Tuyết M. Xét thấy anh N không có ý kiến gì về con chung và cháu M cũng có nguyện vọng được sống với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị B được tiếp tục nuôi Phùng Thị Tuyết M và anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Còn 02 cháu Phùng Thị D và Phùng Kim D đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về chia tài sản chung chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về án phí: Chị Dương Thị B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Dương Thị B được ly hôn với anh Phùng Văn N.

2. Về nuôi con chung: Chị Dương Thị B được tiếp tục nuôi con chung chưa trưởng thành là Phùng Thị Tuyết M, sinh ngày 21/5/2006. Anh Phùng Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Dương Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0000525 ngày 14/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức, chị B đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đức;
- CCTHADS huyện Cần Đức;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

TRẦN THỊ YẾN TRINH

